

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

NGHỀ: NGUỘI LẮP RÁP CƠ KHÍ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 599/QĐ-CĐCG-KT&KĐCL
ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới)*

Quảng Ngãi, năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 599/QĐ-CDCG-KT&KDCL
ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới)*

Tên nghề: NGUỘI LẮP RÁP CƠ KHÍ

Mã nghề : 5520127

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên

Thời gian đào tạo: 1,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

- Chính trị, đạo đức:
 - + Hiểu biết những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của nhà nước;
 - + Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, có chất lượng và năng suất cao;
 - + Tích cực học tập và rèn luyện đạo đức để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.
- Thể chất, quốc phòng:
 - + Thường xuyên rèn luyện thân thể để có đủ sức khỏe học tập và công tác lâu dài;
 - + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác quân sự và tham gia quốc phòng.
- Chuyên môn:
 - + Lắp ráp, điều chỉnh các chi tiết, cụm chi tiết hoặc toàn bộ thiết bị cơ khí, hệ thống khí nén, thủy lực thông thường nhằm làm cho các cụm chi tiết, thiết bị hoạt động được theo đúng tính năng kỹ thuật và bảo đảm an toàn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:
 - + Vận dụng các kiến thức để phân tích tình trạng kỹ thuật của các cụm kết cấu, các loại máy (công cụ và các máy cơ khí khác) thường sử dụng trong các cơ sở sản xuất cơ khí, từ đó lập phương án công nghệ lắp ráp, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cơ khí một cách khoa học, hợp lý.
- Kỹ năng:
 - + Có khả năng lập phương án công nghệ lắp ráp cụm kết cấu, vận hành chạy thử, sửa chữa nhỏ, hiệu chỉnh, phục hồi được một số chi tiết máy thông thường đạt yêu cầu kỹ thuật; lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng và hiệu chỉnh được các loại máy, kết cấu trong ngành cơ khí đạt tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp;
 - + Có khả năng làm việc độc lập và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc lắp ráp, hiệu chỉnh các loại máy móc, thiết bị cơ khí;

+ Có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp ra trường học sinh nghề Nguội lắp ráp có thể tìm kiếm việc tại các phân xưởng của xí nghiệp, nhà máy hoặc nơi có thiết bị đơn lẻ mà ở đó có nhu cầu lắp ráp cơ khí, hay vận hành bảo trì thiết bị trong các doanh nghiệp; trong các lĩnh vực lắp ráp dụng cụ, đồ gá, thiết bị cơ khí, lắp đặt đường ống công nghệ, lắp ráp thiết bị nâng chuyên, lắp ráp thiết bị trong dây chuyền sản xuất hoặc có thể trực tiếp tham gia vào quá trình chế tạo sản phẩm cơ khí hàng hóa nhỏ.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng mô đun/ môn học: 28
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1630 giờ - 79 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1375 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 536 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1004 giờ, Kiểm tra: 90 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyế t	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/ bài tập	Thi/ kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	67	1375	442	856	77
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	20	325	213	92	20
MH 07	Điện kỹ thuật	3	45	42	0	3
MH 08	Cơ ứng dụng	3	45	34	9	2
MH 09	Vật liệu học	3	45	30	12	3
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	3	45	30	12	3
MH 11	Vẽ kỹ thuật	3	60	30	27	3

MH 12	Thiết bị cơ khí	3	45	27	14	4
MH 13	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	2	40	20	18	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	42	930	214	663	53
MĐ 14	Chuẩn bị cho lắp ráp và vận hành thiết bị	2	30	15	13	2
MĐ 15	Gia công chi tiết bằng dụng cụ cầm tay	4	90	30	55	5
MĐ 16	Gia công chi tiết có sự hỗ trợ của máy	2	60	20	36	4
MĐ 17	Lắp ráp mạch điện cơ bản	3	60	12	44	4
MĐ 18	Hàn điện cơ bản	3	60	10	46	4
MĐ 19	Lắp ráp và sửa chữa mối ghép ren, mối ghép then	3	60	13	43	4
MĐ 20	Tháo lắp, điều chỉnh và sửa chữa ổ trục	3	60	15	41	4
MĐ 21	Tháo lắp và điều chỉnh bộ truyền bánh răng, bộ truyền xích	4	90	18	68	4
MĐ 22	Tháo lắp và điều chỉnh bộ truyền đai, bánh ma sát	4	90	18	68	4
MĐ 23	Tháo lắp và điều chỉnh cơ cấu biến đổi chuyển động	2	60	10	48	2
MĐ 24	Lắp ráp và điều chỉnh mối ghép của máy	4	90	20	66	4
MĐ 25	Nâng hạ, vận chuyển thiết bị bằng phương pháp thủ công và cơ giới	2	60	6	50	4
MĐ 26	Lắp đặt máy công cụ	3	60	15	41	4
MĐ 27	Lắp đặt đường ống	3	60	12	44	4
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	5	120	15	101	4
MĐ 28	Thực tập sản xuất	5	120	15	101	4
	Tổng	79	1630	536	1004	90

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất;
- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên;
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
-------	----------	-----------

1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên, Hội học sinh-Sinh viên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt .
5	Tham quan, dã ngoại	Theo kế hoạch đào tạo năm học

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Tùy theo nội dung, điều kiện từng môn học, mô đun mà việc kiểm tra kết thúc môn học, mô đun được thực hiện theo một hoặc kết hợp hai hình thức trong các hình thức sau: Hình thức kiểm tra vấn đáp có thời gian cho một thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời; Hình thức kiểm tra viết trong thời gian từ 60 đến 120 phút; Hình thức kiểm tra thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp có thời gian thực hiện từ 4 đến 8 giờ.

- Kiểm tra hết môn các môn học chung/đại cương và các môn lý thuyết cơ sở được tổ chức vào cuối học kỳ có học các môn học chung/đại cương đó

- Kiểm tra hết mô đun các mô đun chuyên môn được tổ chức vào ngay sau khi học xong mỗi mô đun.

4.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	Kiến thức, kỹ năng nghề (có thể lựa chọn một trong hai phương pháp sau):		
1	Phương pháp 1:		
	- Môn thi lý thuyết nghề	Viết	không quá 180 phút
		Vấn đáp	không quá 60 phút/một học sinh
		Trắc nghiệm	không quá 90 phút
	- Môn thi thực hành nghề	Bài tập thực hành	không quá 8 giờ
2	Phương pháp 2: Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Tích hợp	không quá 12 giờ

4.4. Các chú ý khác:

- Trên cơ sở số môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, cơ sở dạy nghề xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình được phê duyệt;
- Khi thực hiện các bài giảng cần phải tuân thủ hình thức giảng dạy theo nội dung trong chương trình đào tạo đã được phê duyệt.
- Một số mô đun chuyên môn nghề cơ bản được đào tạo tại doanh nghiệp tùy theo tình hình thực tế. ./.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Kim Sơn